

Bản án số: 253/2018/HSST
Ngày: 28/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Tùng – Cán bộ tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 241/2018/HSST ngày 12/9/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2018/QĐXXST-HS ngày 17/9/2018 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN T, sinh năm 1989; Giới tính: Nam tại tỉnh BT; Hộ khẩu thường trú: ấp H, xã D, huyện M, tỉnh BT; Chỗ ở: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 3/12. Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn C và bà Trương Thị Đ; Vợ Nguyễn Thị T, có 02 con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/11/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Cây Cày, tỉnh Tây Ninh đến ngày 22/02/2010 chấp hành xong hình phạt.

Bị tạm giam từ ngày: 01/4/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Công ty TNHH SX-TM-DV H

Địa chỉ: A Quốc lộ B, khu phố C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Anh Hà Ngọc Th, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: A đường B, khu dân cư V, phường 1, thị xã T1, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Trịnh Văn K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: A, đường B, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T là nhân viên của Công ty TNHH SX-TM-DV H tại số A Quốc lộ B, Khu phố C, phường T, quận Túc do anh Hà Ngọc T1 làm Giám đốc. Do không có tiền tiêu xài, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của Công ty bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 19 giờ ngày 28/3/2018, lợi dụng không có ai trông coi kho nguyên liệu T chui qua ô trống phía trên cửa kho để đột nhập vào trong kho lấy trộm nhôm, T lấy trộm 10 bó nhôm (mỗi bó gồm 10 cây nhôm dài 3m) rồi đưa ra khỏi kho theo lối đột nhập. Sau khi lấy trộm, T điều khiển xe mô tô biển số 51F1-8758 (là xe của Công ty) chở số nhôm trên bán cho chị Vũ Thị H là chủ tiệm thu mua phế liệu tại số A đường B, Khu phố C, phường T, quận T được 3.775.000 đồng. Đến 21 giờ ngày 29/3/2018, T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 71K8-6856 vào Công ty để trộm cắp nhôm thì bị anh Nguyễn Văn D là lái xe của Công ty phát hiện, anh D gọi điện thoại báo cho anh T1 biết, anh T1 cùng anh D vào Công ty đuổi bắt T, T bỏ lại xe và tẩu thoát. Lúc 7 giờ ngày 01/4/2018, T quay lại tìm chiếc xe mô tô biển số 71K8-6856 thì bị anh D phát hiện bắt giữ giao Công an phường Tam Bình, quận Thủ Đức xử lý.

Trong quá trình điều tra Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên và ngoài ra còn khai nhận trong tháng 3/2018 bằng thủ đoạn như trên T đã nhiều lần lấy nhôm của công ty mang đi bán cho chị H được tổng cộng 862kg nhôm bán 25.000 đồng/kg thu số tiền 21.550.000 đồng. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 02/3/2018 T mang 172kg nhôm trộm của Công ty bán cho chị H được 4.300.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 05/3/2018 T mang 150kg nhôm trộm của Công ty bán cho chị H được 3.750.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 10/3/2018 T mang 160kg nhôm trộm của Công ty bán cho chị H được 4.000.000 đồng.

Lần 4: Vào ngày 15/3/2018 T mang 140kg nhôm trộm của Công ty bán cho chị H được 3.500.000 đồng.

Lần 5: Vào ngày 20/3/2018 T mang 130kg nhôm trộm của Công ty bán cho chị H được 3.250.000 đồng.

Lần 6: Vào ngày 23/3/2018 T mang 110kg nhôm trộm của Công ty bán cho chị H được 2.750.000 đồng.

Khi bán nhôm cho chị H, T nói không phải là tài sản trộm cắp nên chị H đồng ý mua.

Chị Vũ Thị H khai nhận: Ngày 28/3/2018, chị H có mua của T 151 kg nhôm giá 25.000 đồng/kg, chị H trả cho T số tiền 3.775.000 đồng. Ngoài ra, chị H còn khai đã mua nhôm của T nhiều lần với giá 25.000 đồng/kg. Cụ thể: Ngày 02/3/2018 chị H mua 172kg nhôm và trả cho T 4.300.000 đồng; Ngày 05/3/2018 mua 150kg nhôm trả cho T 3.750.000 đồng; Ngày 10/3/2018 mua 160kg nhôm trả cho T 4.000.000 đồng; Ngày 15/3/2018 mua 140kg nhôm trả cho T 3.500.000 đồng; Ngày 20/3/2018 mua 130kg nhôm trả cho T 3.250.000 đồng; Ngày 23/8/2018 mua 110kg nhôm trả cho T 2.750.000 đồng.

Tổng khối lượng nhôm mà T đã trộm của Công ty H bán cho chị H là 1.013kg, chị H trả cho T số tiền 25.325.000 đồng. Khi bán nhôm cho chị H thì T nói “Không có vấn đề gì” nên chị H mới mua.

Anh Hà Ngọc T1 khai: anh T1 làm Giám đốc Công ty H tại số A, Quốc B, Khu phố C, phường T, quận T chuyên kinh doanh mặt hàng cửa cuốn bằng sắt, nhôm. Qua kiểm tra anh T1 phát hiện nhôm của công ty ngày càng mất dần, đó là các bó lá nhôm có chiều dài từ 2,2 mét đến 3 mét, mỗi bó có khoảng 10 lá có trọng lượng từ 15 đến 25 kg, các bó nhôm này là hàng thành phẩm của công ty, có giá 68.000/kg. Khoảng 19 giờ 05 phút ngày 29/3/2018 qua xem camera anh T1 phát hiện Trần Văn T vào lấy trộm các thanh nhôm nên báo công an phường Tam Bình, quận Thủ Đức bắt T, nhưng không bắt được. Ngày 01/4/2018, T quay lại tìm chiếc xe mô tô biển số 71K8-6856 thì bị anh D phát hiện bắt giữ giao Công an phường Tam Bình, quận Thủ Đức. Sau đó, T đã chỉ chỗ bán nhôm, anh T1 cùng Công an phường tới tiệm thu mua phế liệu tại số A đường B, Khu phố C, phường T, quận T để thu hồi số nhôm với số lượng là 1.013kg.

Bản kết luận định giá tài sản số 595 ngày 17/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức kết luận 10 bó nhôm dài 3m, nặng 151kg có giá 10.268.000đ.

Bản kết luận định giá tài sản số 596 ngày 17/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức kết luận 862kg nhôm có giá 58.616.000đ.

*** Vật chứng vụ án:**

- 10 bó nhôm dài 3m, nặng 151kg T lấy trộm của công ty vào ngày 28/3/2017.
- 862 kg nhôm thu hồi tại tiệm thu mua phế liệu.
- 01 xe wave biển số 71K8-6856. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên do Nguyễn Văn N đứng tên chủ sở hữu. Trần Văn T khai nhận đã mua trả góp chiếc xe trên từ tháng 2/2018 và sử dụng xe trên để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Anh Hà Ngọc T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị Vũ Thị H và ông Trịnh Văn K không yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 237/CT-VKS ngày 04/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Tâm từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong, vật chứng vụ án đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự đã xử lý xong đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố, tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định truy tố của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Những hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ ngày 28/3/2018, Trần Văn T đã có hành vi lén lút lấy trộm 151kg nhôm của Công ty H để bán cho chị Vũ Thị H, qua định giá là 10.268.000 đồng. Ngoài ra bằng thủ đoạn như trên trong tháng 3 năm 2018 T đã liên tục nhiều lần lấy nhôm của công ty với số lượng là 862 kg để mang đi bán cho chị H lấy tiền tiêu xài qua định giá là 58.616.000 đồng. Tổng tài sản mà T trộm cắp là 68.884.000 đồng. Hành vi của Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Việc truy tố bị cáo về “Tội trộm cắp tài sản” theo Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi của bị cáo nhằm đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tính tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp pháp luật.

[4] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

* Vật chứng vụ án:

- 10 bó nhôm dài 3m, nặng 151kg Tâm lấy trộm của công ty vào ngày 28/3/2017 và 862kg nhôm thu hồi tại tiệm thu mua phế liệu đã trả lại cho bị hại là đúng theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với 01 xe wave biển số 71K8-6856, qua xác minh chiếc xe trên do Nguyễn Văn N đứng tên chủ sở hữu. Trần Văn T khai nhận đã mua trả góp chiếc xe trên từ tháng 2/2018 và sử dụng xe trên để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Qua xác minh không xác định được nơi cư trú của anh Nguyễn Văn N. Do đó cần thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô hiệu WAVE màu xanh, biển số 71K8-6856, số khung: DCG034UM-001639; số máy: 150FMG-4P101639 trong vòng 6 tháng. Hết thời hạn trên nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

* Về trách nhiệm dân sự: Công ty H do anh Hà Ngọc T1 đại diện theo pháp luật đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác, chị Vũ Thị H và anh Trịnh Văn K không có yêu cầu gì nên miễn xét.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2018.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô hiệu WAVE màu xanh, biển số 71K8-6856, số khung: DCG034UM-001639; số máy: 150FMG-4P101639 trong thời hạn 06 tháng. Hết thời hạn trên nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước (Vật chứng theo phiếu nhập kho số 185A ngày 28/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND, CA, Chi cục THA Q. TP
- Nhà tạm giữ CA Q. Thủ Đức;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu